

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2023/DS-ST
Ngày: 16/10/2023
“*V/v Tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pho.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phù Thọ Bồn.

2/ Ông Dương Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Linh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 tháng 9 và ngày 16 tháng 10 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 279/2023/TLST-DS, ngày 10/11/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2023/QĐXXST-DS, ngày 05/9/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2023/QĐST-DS, ngày 22/9/2023 giữa các đương sự:

1/ Nguyên Đơn: Công ty TNHH một thành viên N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Châu Quốc V, giám đốc. Địa chỉ: Số 134, tổ 6, ấp Núi Trầu, xã Hoà Điền, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền cho nguyên đơn: Bà Châu Ngọc H, sinh năm: 1972. Địa chỉ: ấp Núi Trầu, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang. (theo văn bản uỷ quyền ngày 09/10/2023).

2/ Bị đơn: Vợ chồng ông **Nguyễn Thanh P**, sinh năm: 1981 và bà **Trần Thị B**, sinh năm: 1983. Cùng địa chỉ: Tổ 5, ấp Cống Tre, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

(Bà H có đơn xin vắng mặt, ông P, bà Bé vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày và yêu cầu như sau:

Công ty TNHH một thành viên N có bán vật tư nông nghiệp và giao tận nơi cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh P và bà Trần Thị B, ngụ tại tổ 5, ấp Cống Tre, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Sau khi đối chiếu công nợ thì ông P, bà Em còn nợ lại số tiền 158.355.000 đồng và ông P ký vào giấy nợ của công ty. Qua nhiều lần công ty yêu cầu ông P, bà Em trả nợ nhưng ông bà cố tình né tránh, khất nợ không chịu trả.

Vì vậy, công ty khởi kiện yêu cầu ông P, bà Em phải trả một lần dứt số nợ 158.355.000 đồng và yêu cầu tính lãi kể từ ngày 01/3/2022 cho đến khi trả hết nợ theo quy định của pháp luật. Không chấp nhận cho ông P, bà Bé trả dần.

- Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải bà Trần Thị B trình bày:

Cách đây khoảng 01 đến 02 năm bà Em có cùng chồng là ông Nguyễn Thanh P có đến xã K thuê đất trồng lúa và có mua nhiều lần vật tư nông nghiệp của Công ty TNHH một thành viên N. Quá trình mua bán cũng có trả, do làm ăn thua lỗ còn nợ tiền vật tư của công ty tổng số tiền là 158.355.000 đồng. Nay công ty khởi kiện ra toà thì vợ chồng bà Em đồng ý trả và xin trả mỗi vụ lúa là 5.000.000 đồng, một năm 02 vụ lúa là 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, xin công ty bỏ không tính lãi.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng trình tự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông P, bà Em phải trả số tiền mua vật tư nông nghiệp cho nguyên đơn theo yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn ông Nguyễn Thanh P và bà Trần Thị B có nơi cư trú tại tổ 5, ấp Cống Tre, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K. Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Ông P, bà B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng 02 lần không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận bởi lẽ: Vợ chồng ông Nguyễn Thanh P và bà Trần Thị B thừa nhận có mua vật tư nông nghiệp và ký biên nhận chốt số nợ với Công ty TNHH một thành viên N là 158.355.000 đồng.

Xét thấy các bên ký chốt nợ vào ngày 22/02/2022, nên công ty yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 01/3/2022 là phù hợp, do các bên có thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng là cao so với quy định của pháp luật nên cần tính lại theo khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự nên lãi suất được tính là 20%/năm tương đương với 1,66%/tháng, vì vậy lãi suất được tính đến ngày xử xét 16/10/2023 là 19 tháng 15 ngày x 1,66%/tháng x 158.355.000 đồng = 51.259.500 đồng. Như vậy tổng số tiền cả gốc và lãi buộc ông P, bà B phải trả cho Công ty TNHH một thành viên N là 158.355.000 đồng + 51.259.500 đồng = 209.614.500 đồng.

Xét yêu cầu của ông P, bà Em xin trả 01 năm 02 vụ lúa là 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, do hiện nay hoàn cảnh ông, bà khó khăn nên không thể trả một lần, Hội đồng xét xử nhận thấy không có cơ sở xem xét do phía nguyên đơn không đồng ý và Bộ luật Dân sự cũng không quy định về trả dần khi các bên đương sự không có thỏa thuận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do ông P, bà Em bị buộc trả tiền nên phải chịu án phí trên số tiền phải trả. Trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 357, 430, 440, 468 của Bộ luật Dân sự;
- Các Điều 26, 35, 39, 144, 145, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Nguyễn Thanh P và bà Trần Thị B phải trả cho Công ty TNHH một thành viên N số tiền là 209.614.500 đồng, trong đó số tiền gốc là 158.355.000 đồng, số tiền lãi là 51.259.500 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người bị thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thi hành án thì người bị thi hành án còn phải chịu thêm một khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Nguyễn Thanh P và bà Trần Thị B phải chịu số tiền án phí 10.480.000 đồng.

- Trả lại cho Công ty TNHH một thành viên N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.958.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009213 ngày 10/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tãnh Kieân Giang;
- VKSND tãnh Kieân Giang;
- VKSND huyeãn Kieân Lõng;
- Chi cục THADS huyeãn Kieân Lõng;
- Nhõõng ngõõõĩ TGTT;
- Lõu tãp àuñ, hoà sõ;

**TM. HOÀI ÑOÀNG XÈÙT XÕÙ SÕ
THAẢM
THAẢM PHAÙN – CHUÛ TOAĨ PHIEÂN
TOẢ**

Nguyễn Văn Pho